

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 01/7/2024

**“V/v Yêu cầu ly hôn và tranh
chấp quyền nuôi con khi ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Kim Cúc.

- Ông Dương Minh Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13/5/2024 và thông báo về địa điểm và thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Thị T, sinh năm: 1979.

- Bị đơn: Ông Phạm Đắc H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Thị T trình bày:

Bà và ông H tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam vào năm 2002.

Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên ghen tuông vô cớ, có hành vi đánh đập, xúc phạm, bạo hành bà cả về thể xác lẫn tinh

thân; bà đã từng gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Núi Thành yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng thời điểm đó ông H đến Tòa án và có xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nhưng ông H không thực hiện được; nhiều lần bà đã cố gắng vì gia đình mà tha thứ cho ông H nhưng hiện tại ông H vẫn không thay đổi. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung tên Phạm Châu Tr, sinh năm: 2003 và Phạm Châu Tr1, sinh ngày 29/6/2007. Đối với con chung Phạm Châu Tr đã đủ tuổi trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không yêu cầu giải quyết; Bà T yêu cầu giao con chung Phạm Châu Tr1, sinh ngày 29/6/2007 cho bà T nuôi dưỡng; bà T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Đắc H trình bày:

Ông thông nhất ý kiến của bà T về thời gian kết hôn và con chung; vợ chồng ông kết hôn từ năm 2002 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tam Thạnh, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông ghen tuông vô cớ, đã có hành vi đánh đập bà T. Tuy nhiên, ông hứa sẽ thay đổi, để cùng bà T xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó việc bà T yêu cầu ly hôn ông H không đồng ý.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà T ly hôn thì ông đồng ý giao con chung là Phạm Châu Tr1, sinh ngày 29/6/2007 cho bà T nuôi dưỡng, do bà T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên ông không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Riêng đối với bị đơn ông H vi phạm pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Châu Thị T được ly hôn với ông Phạm Đắc H. Về con chung: Giao con chung Phạm Châu Tr1, sinh ngày 29/6/2007 cho bà T nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Châu Thị T có đơn yêu cầu ly hôn, phân định quyền nuôi con khi ly hôn với ông H, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và kết quả xác minh của Công an xã T thì ông H có đăng ký thường trú tại thôn P, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và quan hệ pháp luật có tranh chấp cần giải quyết là “*Yêu cầu ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn*”.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1.] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Châu Thị T và ông Phạm Đắc H xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vào năm 2002 theo quy định. Việc bà T, ông H kết hôn với nhau không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và Gia đình. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, theo bà T thì do ông H thường xuyên ghen tuông vô cớ, có hành vi đánh đập, bạo hành bà cả về thể xác lẫn tinh thần; bà đã từng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vợ chồng của bà và ông H ngày càng nghiêm trọng hơn. Tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận ý kiến của bà T về nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Qua đó có thể thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà T yêu cầu ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2.] *Về con chung:* Bà T và ông H có 02 con chung tên Phạm Châu Tr, sinh năm: 2003 và Phạm Châu Tr1, sinh ngày 29/6/2007. Đối với con chung Phạm Châu Tr đã đủ tuổi trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không yêu cầu giải quyết; Bà T yêu cầu giao con chung Phạm Châu Tr1, sinh ngày 29/6/2007 cho bà T nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Tr1 có ý kiến mong muốn bà T, bà T có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện trong việc chăm lo cho con; do đó cần giao cháu Phạm Châu Tr1, sinh ngày 29/6/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc chăm sóc giáo dục con là nghĩa vụ, đồng thời cũng là quyền của cha mẹ nên ông H có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể

quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét

[3] Về án phí hôn nhân – Gia đình sơ thẩm: Bà Châu Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 84, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị T về việc “*Yêu cầu ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn*” đối với bị đơn ông Phạm Đắc H.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Châu Thị T được ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Phạm Đắc H.

- *Về quyền nuôi con*: Giao con chung Phạm Châu Tr1, sinh ngày 29/6/2007 cho bà Châu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Châu Thị T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000247 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật

thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các đương sự
- lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Cần

